

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 01 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kì - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 428/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Tuyết N, sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã R, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2020 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Mai Tuyết N trình bày:

Về hôn nhân, vào ngày 26/02/2016 bà (Mai Tuyết N) và ông Nguyễn Hải Đ chung sống với nhau như vợ chồng, đến ngày 22/01/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh C. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy

nhiên thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà và ông Nguyễn Hải Đ không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Hải Gia H (giới tính nam), sinh ngày 11/4/2018 hiện tại đang sống cùng với bà. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương xã N, huyện P, tỉnh C xác định: Bà Mai Tuyết N và ông Nguyễn Hải Đ không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Mai Tuyết N ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ. Giao con chung tên là Nguyễn Hải Gia H (giới tính nam), sinh ngày 11/4/2018 cho bà Mai Tuyết N chịu trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng, ông Nguyễn Hải Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Mai Tuyết N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hải Đ vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hải Đ.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Mai Tuyết N và ông Nguyễn Hải Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 22/01/2018. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Mai Tuyết N và ông Nguyễn Hải Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Mai Tuyết N xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà và ông Nguyễn Hải Đ không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà Mai Tuyết N nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ. Ông Nguyễn Hải Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Nguyễn Hải Đ không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Tuyết N và ông Nguyễn Hải Đ đã và đang trầm trọng, Bà Mai Tuyết N cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Mai Tuyết N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Có một người tên là Nguyễn Hải Gia H (giới tính nam), sinh ngày 11/4/2018. Bà Mai Tuyết N yêu cầu được nuôi con, xét thấy con chung hiện tại chưa đủ 36 tháng tuổi do đó con chung được giao cho bà Mai Tuyết N trực tiếp nuôi là có căn cứ, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Tuyết N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Hải Đ phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Mai Tuyết N xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Mai Tuyết N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Mai Tuyết N ly hôn với ông Nguyễn Hải Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Mai Tuyết N chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Hải Gia H (giới tính nam), sinh ngày 11/4/2018 cho đến khi Nguyễn Hải Gia H đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Nguyễn Hải Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Tuyết N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Hải Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hải Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Mai Tuyết N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012163, ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã N, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước